TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2019/DS-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L1.

2. Ông Lê Văn N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 215/2019/TLST - DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Bình Tây 2, xã Bình Hòa T, huyện M, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Bình Tây 2, xã Bình Hòa T, huyện M, tỉnh L.

Bà H vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông H1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H: Bà Trần Thị H yêu cầu ông Nguyễn Thanh H1 phải trả cho bà H 5.750.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của ông Nguyễn Thanh H1 : Ông Nguyễn Thanh H1 vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Trần Thị H cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản photto), sổ hộ khẩu (bản photto), Biên nhận ngày 30/3/2017 (bản chính), biên bản hòa giải ngày 05/4/2019 của UBND xã Bình Hòa T (bản chính). Đơn xác nhận cư trú.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Thanh H1 cung cấp: Không.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết bà Trần Thị H trình bày: Vào ngày 30/3/2017 bà H có cho ông H1 vay số tiền 13.000.000 đồng, sau đó có trả được 2.250.000 đồng, còn lại 10.750.000 đồng không trả. Ngày 05/4/2019 bà H gởi đơn đến UBND xã Bình Hòa T, huyện M để hòa giải. Tại biên bản hòa giải của UBND xã Bình Hòa T, huyện M ông H1 hứa trả số tiền trên chia làm ba lần trả, nhưng ông H1 chỉ trả được 5.000.000 đồng thì ngưng không trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền còn lại là 5.750.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Về án phí thì yêu cầu ông H1 phải chịu. Bà H đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Nguyễn Thanh H1 có địa chỉ tại xã Bình Hòa T, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh Hồng: Bà Trần Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt Ông Nguyễn Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông Hồng.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với số nợ gốc:

Bà Trần Thị H khởi kiện và cung cấp chứng cứ là Biên nhận ngày 30/3/2017 và biên bản hòa giải ngày 05/4/2019 của UBND xã Bình Hòa T; ông Nguyễn Thanh H1 vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của bà H nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày và tài

liệu, chứng cứ của bà H cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung biên nhận ngày 30/3/2017 và biên bản hòa giải ngày 05/4/2019 của UBND xã Bình Hòa T thì ông H1 có vay của bà H số tiền số tiền 13.000.000 đồng, đã trả được 7.250.000 đồng, còn nợ lại 5.750.000 đồng nên căn cứ vào Điều 92 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông Hồng, buộc ông H1 có nghĩa vụ trả bà H 5.750.000 đồng.

[4]. Về thời gian trả và cách thức trả: Bà H yêu cầu trả một lần, ông H1 vắng mặt nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Trần Thị H không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Thanh H1, buộc ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H 5.750.000 (năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Trần Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002961 ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi và trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi: Được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L